TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1940/2026/DS-ST

Ngày: 03/9/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

2. Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Phương Vy – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 8 và 3 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1712/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3448/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4368s/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện nguyên đơn: Ông Trần Văn T; Sinh năm 2004.

Địa chỉ liên hệ: Tầng F, số A đường L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Văn bản ủy quyền số 65/2026/UQ-KHCN ngày 26/5/2026; (Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng P; Sinh năm 1972.

Số định danh cá nhân: 083072000076.

Nơi cư trú: F, Ấp B, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ông Lê Hoàng P có vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V1) theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử, số hợp đồng vay vốn LN22062360 62662, số hồ sơ giải ngân 372-P-0839899, ký ngày 22/6/2022, giải ngân ngày 19/7/2022 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng), cụ thể: Số tiền vay/hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: Vay tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ theo Biểu lãi suất tham chiếu do V1 công bố từng thời kỳ theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, V1 đã giải ngân đủ số tiền 50.000.000 đồng cho ông P; ông P đã thanh toán cho V1 tổng số tiền 53.666.373 đồng, trong đó nợ gốc đã trả 32.864.281 đồng, lãi đã trả 19.529.542 đồng và phí đã trả 1.272.550 đồng. Tuy nhiên, ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay kể từ ngày 11/02/2024. Mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian để ông P trả nợ nhưng ông P vẫn không có phương án trả dứt nợ. Toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Tính đến ngày 03/9/2026, ông Lê Hoàng P còn nợ V1 theo Hợp đồng nói trên là: Nợ gốc: 44.518.719 đồng; Nợ lãi: 86.012.598 đồng. Tổng cộng: 130.531.317 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm mười bảy đồng).

Nhận thấy ông Lê Hoàng P vi phạm nghĩa vụ đã cam kết theo Hợp đồng, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Lê Hoàng P phải thanh toán ngay cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng, tạm tính đến ngày 03/9/2026 là 130.531.317 đồng, trong đó nợ gốc 44.518.719 đồng và nợ lãi 86.012.598 đồng; tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận kể từ ngày 04/9/2026 cho đến khi trả hết nợ.

- Ông Lê Hoàng P phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí có liên quan (nếu có).

V1 xác định chỉ cho cá nhân ông Lê Hoàng P vay vốn, không liên quan đến người khác nên không yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh nơi cư trú của bị đơn thông qua Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, kết quả xác định ông Lê Hoàng P cư trú tại F, Ấp B, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh – phù hợp với địa chỉ Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 14/8/2026, bị đơn vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, thấy rằng:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thụ lý, thu thập chứng cứ và triệu tập đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến bằng văn bản, vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 và vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định.

Về thời hạn đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Ông Lê Hoàng P đã ký kết, sử dụng thẻ tín dụng tại V1 theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số LN22062360 62662, số hồ sơ giải ngân 372-P-0839899, ký ngày 22/6/2022, hạn mức 50.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng. Hợp đồng được giao kết tự nguyện, phù hợp Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực pháp luật. V1 đã giải ngân đầy đủ, nhưng ông P không thanh toán đầy đủ, đúng hạn, vi phạm Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tính đến ngày 03/9/2026, ông P còn nợ V1 130.531.317 đồng (nợ gốc 44.518.719 đồng, nợ lãi 86.012.598 đồng); Việc tính lãi phù hợp thỏa thuận hợp đồng và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Yêu cầu tiếp tục tính lãi trên dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 04/9/2026 cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.
- Buộc ông Lê Hoàng P thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 03/9/2026 là 130.531.317 đồng, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất, phương thức đã thỏa thuận, kể từ ngày 04/9/2026 đến khi thanh toán xong.
- Buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lê Hoàng P thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, số hợp đồng vay vốn LN22062360 62662, số hồ sơ giải ngân 372-P-0839899, ký ngày 22/6/2022. Như vậy, tranh chấp phát sinh trong vụ án là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng tín dụng được ký kết giữa tổ chức tín dụng và cá nhân vay vốn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn ông Lê Hoàng P cư trú tại xã V, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/7/2026 nhưng vắng mặt không lý do dù đã được tống đạt hợp lệ; phiên hòa giải không tiến hành được. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú thực tế của bị đơn theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 70, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kết quả xác minh phù hợp với địa chỉ mà Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 14/8/2026, bị đơn vắng mặt không có lý do chính

đáng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn thông qua người đại diện hợp pháp có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Lê Hoàng P có vay vốn tại V1 theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, số hợp đồng vay vốn LN22062360 62662, số hồ sơ giải ngân 372-P-0839899, ký ngày 22/6/2022, số tiền vay 50.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 60 tháng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, V1 đã giải ngân đủ số tiền vay cho ông P, nhưng ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay kể từ ngày 11/02/2024, dẫn đến toàn bộ khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Việc ông Lê Hoàng P không thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tính đến ngày 03/9/2026, số tiền nợ của ông Lê Hoàng P đối với V1 được xác định là 130.531.317 đồng, trong đó nợ gốc 44.518.719 đồng và nợ lãi 86.012.598 đồng. Các khoản lãi này được tính toán phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 4 Điều 13 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Hoàng P thanh toán số tiền nợ gốc và lãi nói trên là có căn cứ, cần được chấp nhận toàn bộ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bị đơn để bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Hoàng P đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không tham gia phiên họp, không thực hiện việc hòa giải theo quy định pháp luật.

Mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện để bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện, không đưa ra yêu cầu phản tố, không đề nghị thu thập chứng cứ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hành vi nêu trên của bị đơn được xác định là không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng, vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời được xem là từ bỏ quyền trình bày ý kiến, quyền chứng minh và quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Việc bị đơn không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ là tự tước bỏ quyền chứng minh của mình; Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp và do nguyên đơn cung cấp, làm căn cứ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[4] Về lãi phát sinh sau thời điểm xét xử:

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng số LN22062360 62662 (số hồ sơ giải ngân 372-P-0839899) ký ngày 22/6/2022, các bên đã thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phương thức tính lãi; Đồng thời thống nhất việc bên vay phải tiếp tục chịu lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ. Thỏa thuận về lãi suất nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 4 Điều 13 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Do bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, nên phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo đúng thỏa thuận đã ký.

Yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi phát sinh sau thời điểm xét xử là có căn cứ pháp luật, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền 130.531.317 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

2. Buộc ông Lê Hoàng P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 03/9/2026 là 130.531.317 đồng (Một trăm ba mươi triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm mười bảy đồng), trong đó:

Nợ gốc 44.518.719 đồng và

Nợ lãi 86.012.598 đồng.

3. Kể từ ngày 04/9/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Lê Hoàng P còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ số LN22062360 62662 (số hồ sơ giải ngân 372-P-0839899) ký ngày 22/6/2022.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Lê Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.526.565đ (Sáu triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.455.852 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035124 ngày 04/6/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV10-TP.HCM ;
- THA DS TP.HCM;
- VKSND KV 10-TP. HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

2 000026 399209

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Duy Minh Chính